

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2026/DS-PT.

Ngày: 08/4/2026.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Duy Thuần

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương

Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 587/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2026/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2026/QĐXXPT-DS ngày 27/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/QĐ-PT ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số C P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số C P, phường B, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: 6 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là 6 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk) – vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H1.

Địa chỉ: 1 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là 1 Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk) – vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà H1 là: Ông Phan Minh H2 – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số E đường A, thôn A, phường B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

4. Kháng nghị, kháng cáo: Do có kháng cáo của ông Phan Minh H2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Do quen biết nhau nên bà H và bà H1 có đặt vấn đề để vay tiền bà N, vì tin tưởng nên bà đã cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) hạn ngày 10/01/2024 phải trả hết. Hai bên có lập giấy vay tiền ngày 28/12/2023. Bà H và bà H1 đều ký vào giấy vay tiền. Toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền đều do bà H viết và ký.

Đến nay đã qua thời hạn trả tiền, bà đã thông báo cho bà H và bà H1 hai bà vẫn khất lần, muốn kéo dài thời gian không muốn trả tiền cho bà N.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 10/01/2024 đến khi trả nợ.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Minh H2 trình bày:**

Giữa bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị N có quen biết vì đã nhiều lần vay tiền của bà N. Đối với giấy vay ngày 28/12/2023 bà H có vay của bà N số tiền 1.500.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này chỉ một mình bà H vay, bà H1 chỉ ký trong giấy vay với tư cách là người làm chứng chứ không vay. Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng bà H đã trả xong cho bà N. Việc trả tiền cho bà N bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của bà N và các con bà N là bà Nguyễn Hoàng Tú N1, ông Trương Quang M (tài liệu chứng cứ cung cấp tại phiên tòa). Tổng số tiền bà H đã trả cho bà N là 2.250.000.000 đồng. Khi lập giấy vay không ghi ngày tháng mà để trống nên bà H đã trả tiền cho bà N nhưng bà N ghi ngày tháng sau khi bà H trả tiền để khởi kiện nên ông đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2025/DSST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 160, 161, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 1.761.666.666 đồng. Trong đó tiền gốc là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2025 là 261.666.666 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/10/2025, ông Phan Minh H2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức: Kháng cáo của bị đơn là trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cho rằng đã trả tiền cho bà Nguyễn Thị N và các con bà N là bà Nguyễn Hoàng Tú N1, ông Trương Quang M bằng hình thức chuyển khoản cũng như cung cấp các chứng từ giao dịch chuyển khoản cho Tòa án cấp sơ thẩm. Đó là chứng cứ tài liệu mới có thể làm ảnh hưởng đến nội dung bản chất vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ giữa bà Nguyễn Hoàng Tú N1, ông Trương Quang M và bà Nguyễn Thị H có vay mượn tiền của nhau hay không mà bà H lại chuyển tiền nhiều lần với số tiền lớn cho hai người này, chưa đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phan Minh H2 là trong hạn luật, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Do quen biết với nhau từ trước nên giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 có vay mượn tiền của nhau và lập giấy vay tiền ngày 28/12/2023 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Về việc vay và số tiền bà H cũng thừa nhận nhưng bà cho rằng đã trả hết cho bà N, còn bà N cho rằng hết thời hạn như cam kết trong giấy vay tiền là ngày 10/01/2024 nhưng bà H, bà H1 không chịu trả nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc trả cho bà số tiền gốc và lãi suất theo quy định.

[2.2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn không có bất cứ bản tự khai, không được Tòa án lấy lời khai cũng như hòa giải, đối chất làm rõ nội dung vay mượn, các văn bản tổng đạt tố tụng không đầy đủ. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn mới có ý kiến trình bày và cung cấp các chứng từ giao dịch là các hoạt động chuyển tiền của bà Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Hoàng Tú N1, ông Trương Quang M để chứng minh rằng bà H đã trả hết số nợ 1.500.000.000 đồng, thậm chí là trả quá số tiền vay.

Việc giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H có nhiều khoản vay với nhau là có thật cũng được các bên thừa nhận. Tuy nhiên, trong vụ án này tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan Minh H2 cung cấp các chứng từ bà Nguyễn Thị H chuyển tiền cho bà Nguyễn

Hoàng Tú N1 và ông Trương Quang M, bà Nguyễn Thị N, Tòa án cấp sơ thẩm không tạm ngừng phiên tòa theo điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự để lấy lời khai, triệu tập bà N1, ông M để làm rõ việc chuyển tiền này có liên quan gì đến khoản vay 1.500.000.000 đồng giữa bà H và bà Nguyễn Thị N hay không. Giữa bà N1, ông M và bà H có mối quan hệ như thế nào, có tồn tại khoản vay nào với nhau hay không? Lý do bà H phải chuyển tiền cho những người này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các chứng từ này là bản phô tô, không có tính xác thực, việc trả tiền cho bà N thông qua chuyển khoản cho bà N1 và ông M nhưng không có chứng cứ chứng minh và bà N không thừa nhận nên không được xem xét là chưa khách quan. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử phúc thẩm, bị đơn cung cấp thêm các bản sao kê về giao dịch chuyển tiền của bà Nguyễn Thị H do Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1 – phòng G mà bị đơn cho rằng đó là những giao dịch chuyển trả tiền cho bà Nguyễn Thị N.

Đối với việc giám định chữ viết và chữ ký của bà H và bà H1 thì thấy, Tòa án căn cứ vào chữ ký và chữ viết trong giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng C để làm mẫu so sánh, là vật chứng. Tuy nhiên, trong hồ sơ thể hiện không có bản gốc của giấy ủy quyền này lưu trữ trong hồ sơ vụ án chỉ có bản phô tô (BL 09b, 09a) là không đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, trong hồ sơ thể hiện có thủ tục giải quyết khiếu nại đối với Quyết định giám định nhưng các biên bản giao nhận không thể hiện nội dung gì, người giao nhận không ký tên.

Xét thấy, tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan, toàn diện, chưa triệu tập đầy đủ những người tham gia tố tụng mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, việc này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là các sao kê tài khoản tiền gửi của bà Nguyễn Thị H của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1. Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do đó, cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh H2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Minh H3 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1;

[1] Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2025/DSST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Hoàng A nộp thay theo biên lai thu số 0003248 ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Thông Kbuôr